



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà - Số 165 Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - TP. Hà Nội - Điện thoại: (+84) 24 62 670 491/492/493 - Website: www.vae.com.vn

VP Hà Nội: Số 121 Phố 8/3, Phường Quỳnh Mai
Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Điện thoại: (+84) 901 711 999

VP TP HCM: Số 17/3 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 62 521 818

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN
NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 5A Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Hồng Bàng, TP Hải Phòng

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ	07
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Phạm Đình Hiệp	Thành viên
Ông Phạm Hoàng Anh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/9/2024)
Bà Trần Thị Bích Hạnh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/9/2024)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Đình Hiệp	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG



Phạm Đình Hiệp

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Số: 2802.07 - 25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là Công ty), được lập ngày 22/02/2025, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Hồng Vân
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1

Ngô Bá Thiêm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2025-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.610.313.888	102.844.781.185
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	8.747.427.135	85.213.399.813
1. Tiền	111		3.747.427.135	21.213.399.813
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	64.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.205.583.066	17.281.478.727
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	5.426.568.369	3.039.306.452
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	14.365.435.000	7.839.516.593
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	2.695.775.391	6.402.655.682
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(282.195.694)	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		657.303.687	349.902.645
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.	-	212.755.840
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		328.627.487	137.146.805
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10.	328.676.200	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.249.339.528	8.446.259.407
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.410.000.000	1.577.385.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.	1.410.000.000	1.577.385.000
II. Tài sản cố định	220		7.869.444.076	6.868.075.178
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	7.869.444.076	6.868.075.178
- Nguyên giá	222		23.308.177.907	23.842.291.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.438.733.831)	(16.974.216.620)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		55.383.439.145	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6.	55.383.439.145	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		586.456.307	799.229
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	586.456.307	799.229
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		96.859.653.416	111.291.040.592

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C NỢ PHẢI TRẢ	300		7.387.448.944	20.639.862.957
I. Nợ ngắn hạn	310		6.487.448.944	19.739.862.957
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8.	3.627.724.693	585.979.551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9.	-	97.436.753
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10.	39.727.920	7.594.493.660
4. Phải trả người lao động	314		715.874.415	2.193.119.538
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11.	605.246.694	2.570.318.598
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12.	33.545.455	289.673.454
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	57.000.000	188.654.730
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14.	-	4.805.936.460
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.408.329.767	1.414.250.213
II. Nợ dài hạn	330		900.000.000	900.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13.	900.000.000	900.000.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.472.204.472	90.651.177.635
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	89.472.204.472	90.651.177.635
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.001.124.543	6.001.124.543
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.996.409.857	6.247.167.260
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		24.265.088.216	2.717.917.044
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.209.581.856	33.684.968.788
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.187.493.465	1.187.493.465
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		22.088.391	32.497.475.323
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		96.859.653.416	111.291.040.592

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng






Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Mai Đình

Phạm Đình Hiệp

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	28.622.852.915	37.131.347.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		28.622.852.915	37.131.347.124
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	28.832.356.134	30.306.666.079
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(209.503.219)	6.824.681.045
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	778.432.990	2.363.975.237
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	11.409.089	29.373.600
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	2.293.033.424	7.310.042.232
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(1.735.512.742)	1.849.240.450
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	1.818.010.883	56.345.781.659
12. Chi phí khác	32	VI.6.	52.650.004	16.549.467.744
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		1.765.360.879	39.796.313.915
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		29.848.137	41.645.554.365
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	7.759.746	9.148.079.042
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		22.088.391	32.497.475.323
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	5,26	7.451,53

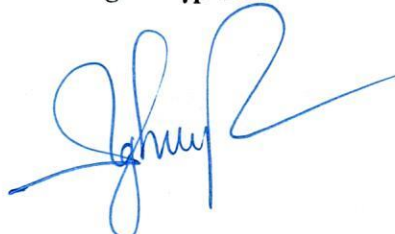
Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền



Nguyễn Thị Mai Đình



Phạm Đình Hiệp

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

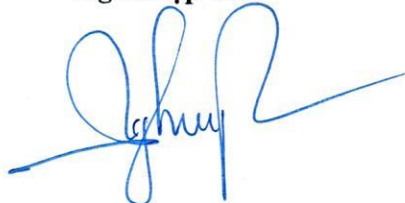
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		29.400.786.640	43.622.047.258
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(32.955.206.549)	(30.898.849.076)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.179.682.286)	(13.650.103.715)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(7.101.850.079)	(2.957.146.777)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.057.755.985	73.597.694.751
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.723.831.369)	(16.319.271.133)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.502.027.658)	53.394.371.308
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(60.636.495.837)	(7.898.137.593)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	20.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		628.168.079	2.240.289.562
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(60.008.327.758)	362.151.969
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.460.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(5.460.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(76.510.355.416)	48.296.523.277
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		85.213.399.813	36.799.860.018
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		44.382.738	117.016.518
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	8.747.427.135	85.213.399.813

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Huyền



Nguyễn Thị Mai Đình



Phạm Đình Hiệp

(Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 638/BNT-TCCB ngày 27 tháng 5 năm 1977 của Bộ Ngoại thương, sau đó được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0203003359 ngày 08/8/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 số 0200128737 ngày 13/5/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 0200128737 ngày 05/9/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 số 0200128737 ngày 29/7/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 29/7/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp thì Vốn Điều lệ của Công ty là **42.000.000.000 VND** (Bốn mươi hai tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận kho vận ngoại thương.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận, kho vận, thuê và cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải, bốc xếp, thu gom chia lẻ, bảo quản đóng gói, phân loại hàng hóa làm thủ tục xuất nhập khẩu, hải quan, mua bảo hiểm hàng hóa. Nhận ủy thác của các đơn vị kinh tế, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước. Tổ chức chuyên chở giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng hóa ngoại giao, hàng quá cảnh, hàng hội chợ triển lãm, hàng thiết bị triển lãm, văn hóa nghệ thuật, hàng công trình, hàng biếu tặng, hàng mẫu, hàng quý. Tài liệu, chứng từ vận chuyển hàng hóa bằng các phương tiện vận tải;
- Dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế. Dịch vụ liên quan đến kho ngoại quan;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng, sản phẩm đồ mộc, hàng nông sản và hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh máy vi tính và linh kiện, phụ kiện máy vi tính;
- Đại lý tàu biển. Đại lý cho các hãng tàu nước ngoài về giao nhận vận tải thương mại;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, du lịch, dịch vụ ăn uống, giải khát, khách sạn và dịch vụ khách sạn./.

(Đối với các ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Trụ sở Công ty tại: Số 5A Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Các thừa đất Công ty thực hiện kinh doanh bị thu hồi theo quyết định thu hồi đất số 658/QĐ-UBND ngày 28/4/2023, Quyết định số 3979/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 và Quyết định số 3980/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Ủy Ban nhân dân quận Ngô Quyền đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận gộp) của Công ty mặc dù Công ty đã thực hiện thuê kho, bãi để tiếp tục sản xuất kinh doanh, giữ chân khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng cán bộ công nhân viên

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 58 người (tại ngày 31/12/2023 là 63 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm Chi phí đồ bê tông bãi Container và chi phí sắm lốp ô tô.

Chi phí đồ bê tông bãi Container: Chi phí đồ bê tông bãi Container phát sinh một lần được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 24 tháng.

Chi phí sắm lốp ô tô: Chi phí sắm lốp ô tô phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trong 24 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc kế toán các chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí sản xuất kinh doanh như chi phí tiền điện, nước, điện thoại, trích trước chi phí giao nhận tháng 12, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên dự toán chi phí và dự toán trích trước, phù hợp với 3 điều kiện ghi nhận các khoản dự phòng phải trả quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ giao nhận,... được ghi nhận theo số tiền mà khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán, nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ trong kỳ và đã xuất hoá đơn tài chính tại ngày thu tiền.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận khi đầu tư và mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ giao nhận ngoại quan, dịch vụ giao nhận hàng nhập, dịch vụ lưu kho, bảo quản kho, dịch vụ vận tải, bốc xếp, cân hàng, dịch vụ cho thuê văn phòng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

0120
CÔNG
TÁC NH
EM TOA
VIỆ
TƯ GI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền	3.747.427.135	21.213.399.813
Tiền mặt	167.396.000	90.385.000
Tiền gửi ngân hàng	3.580.031.135	21.123.014.813
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	64.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng (*)	5.000.000.000	64.000.000.000
Cộng	8.747.427.135	85.213.399.813

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng.

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH GreensPS Resources	218.376.000	-	1.125.934.115	-
Công ty TNHH Châu Giang	564.391.387	(282.195.694)	564.391.387	-
Công ty TNHH Giao nhận quốc tế Lucky - Chi nhánh Hải Phòng	3.180.832.209	-	16.336.493	-
Các đối tượng khác	1.462.968.773	-	1.332.644.457	-
Cộng	5.426.568.369	(282.195.694)	3.039.306.452	-

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Đầu tư hàng hải Nam Hải	-	7.500.000.000
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Đầu tư xây dựng AE	200.000.000	132.488.889
Nguyễn Thế Giáp (*)	14.165.435.000	-
Các đối tượng khác	-	207.027.704
Cộng	14.365.435.000	7.839.516.593

(*) Là khoản tiền đặt cọc nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của các hộ dân tại ô phố A79 để thực hiện Dự án đầu tư Hệ thống Logistics VIETRANS Hải Phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.695.775.391	-	6.402.655.682	-
- Phải thu khác	573.201.379	-	1.025.781.240	-
Công ty TNHH Greens PS Resources	170.676.440	-	559.139.915	-
Evergreen shipping agency (VN) corporation	-	-	5.000.000	-
Lãi dự thu	1.512.329	-	8.131.507	-
Phải thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên	18.034.841	-	114.769.911	-
Đối tượng khác	382.977.769	-	338.739.907	-
- Tạm ứng	2.051.079.547	-	5.335.317.562	-
Vũ Tiến Thành	-	-	3.200.000.000	-
Thái Thị Hồng Hà	1.435.130.174	-	1.708.168.089	-
Nguyễn Thế Vương	400.000.000	-	241.750.791	-
Phạm Thị Hải Ninh	158.399.821	-	120.000.000	-
Lê Thị Hồng Nhung	50.549.552	-	65.398.682	-
Vương Thị Thanh Thuỳ	7.000.000	-	-	-
- Dư nợ TK 338	71.494.465	-	41.556.880	-
Dư Nợ Bảo hiểm xã hội	28.468.354	-	30.687.337	-
Dư Nợ Bảo hiểm y tế	6.105.666	-	6.521.726	-
Dư Nợ Bảo hiểm thất nghiệp	4.070.445	-	4.347.817	-
Dư Nợ Phải trả khác	32.850.000	-	-	-
b) Dài hạn	1.410.000.000	-	1.577.385.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.410.000.000	-	1.577.385.000	-
CN Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	530.000.000	-	530.000.000	-
CN Công ty CP Giao nhận vận tải ngoại thương tại TP Hải Phòng	500.000.000	-	500.000.000	-
Các đối tượng khác	380.000.000	-	547.385.000	-
Cộng	4.105.775.391	-	7.980.040.682	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII .2.

Địa chỉ: Số 5A Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2024	17.345.229.992	654.572.718	5.204.443.043	116.621.000	521.425.045	23.842.291.798
Mua trong năm	-	-	1.789.737.037	-	-	1.789.737.037
Giảm khác (*)	(2.323.850.928)	-	-	-	-	(2.323.850.928)
Số dư ngày 31/12/2024	15.021.379.064	654.572.718	6.994.180.080	116.621.000	521.425.045	23.308.177.907
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2024	11.190.179.695	579.742.630	4.790.170.719	23.181.010	390.942.566	16.974.216.620
Khấu hao trong năm	489.231.756	30.166.668	218.175.503	23.324.208	27.470.004	788.368.139
Giảm khác (*)	(2.323.850.928)	-	-	-	-	(2.323.850.928)
Số dư ngày 31/12/2024	9.355.560.523	609.909.298	5.008.346.222	46.505.218	418.412.570	15.438.733.831
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	6.155.050.297	74.830.088	414.272.324	93.439.990	130.482.479	6.868.075.178
Tại ngày 31/12/2024	5.665.818.541	44.663.420	1.985.833.858	70.115.782	103.012.475	7.869.444.076

(*) Giảm tài sản trên đất do bàn giao lại đất theo Quyết định số 3979/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, Quyết định số 3980/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Ủy Ban nhân dân quận Ngô Quyền và Biên bản mặt bằng đất bị thu hồi ngày 06/3/2024.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.201.978.007 đồng (tại ngày 31/12/2023: 6.008.544.390 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Dự án Hệ thống Logistics VIETRANS Hải Phòng (*)	55.383.439.145	-
Cộng	55.383.439.145	-

(*) Dự án đầu tư được phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 04/2023/NQ/VTRSHP-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2023. Và được thông qua báo cáo đề xuất Dự án tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ/VTRSHP-ĐHĐCĐ ngày 30/9/2024.

7. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	212.755.840
Phí thuê kho bãi	-	205.117.000
Chi phí trả trước khác	-	7.638.840
b) Dài hạn	586.456.307	799.229
Chi phí sắm lắp ô tô	22.106.304	799.229
Chi phí đổ bê tông bãi Container	524.600.000	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	39.750.003	-
Cộng	586.456.307	213.555.069

8. Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP Giao nhận vận tải ngoại thương - CN Hải phòng	310.817.988	310.817.988	302.190.731	302.190.731
Chi nhánh Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	1.928.420.928	1.928.420.928	183.253.220	183.253.220
Công ty CP Đầu tư & phát triển dịch vụ kho bãi cảng VGP	430.276.720	430.276.720	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Huy An	-	-	92.290.000	92.290.000
Công ty CP Xây dựng cầu đường Huy Hoàng	566.568.000	566.568.000	-	-
Các đối tượng khác	391.641.057	391.641.057	8.245.600	8.245.600
Cộng	3.627.724.693	3.627.724.693	585.979.551	585.979.551

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Konoike Transport Co., LTD	-	71.697.800
Posco International Corporation	-	22.044.963
Các đối tượng khác	-	3.693.990
Cộng	-	97.436.753

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2024
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.101.850.079	7.759.746	7.101.850.079	7.759.746
Thuế thu nhập cá nhân	132.655.181	63.618.013	164.305.020	31.968.174
Thuế đất, tiền thuê đất (*)	359.988.400	(328.676.200)	31.312.200	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	7.594.493.660	75.377.759	7.301.467.299	39.727.920
b) Phải thu				
Thuế đất, tiền thuê đất	-	198.842.600	527.518.800	328.676.200
Cộng	-	198.842.600	527.518.800	328.676.200

(*) Theo Quyết định số 166/QĐ-CTHPH ngày 12/01/2024 của Cục thuế thành phố Hải Phòng về việc giảm tiền thuê đất năm 2023 đối với Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng.

11. Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí sản xuất kinh doanh (chi phí giao nhận ngoại quan, tiền điện, nước, điện thoại,...)	605.246.694	2.570.318.598
Cộng	605.246.694	2.570.318.598

12. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước dịch vụ lưu kho, giao nhận, cho thuê văn phòng	33.545.455	289.673.454
Cộng	33.545.455	289.673.454

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Phải trả khác	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	57.000.000	188.654.730
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	57.000.000	185.740.000
Công ty CP Nội thất Dafuco	-	80.000.000
Công ty CP Kiến trúc xây dựng Maxhouse	20.000.000	20.000.000
Các đối tượng khác	37.000.000	85.740.000
Dư Có TK 138	-	2.914.730
b) Dài hạn	900.000.000	900.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	900.000.000	900.000.000
Công ty TNHH Giao nhận quốc tế Lucky - Chi nhánh Hải Phòng	900.000.000	900.000.000
Cộng	957.000.000	1.088.654.730

14. Dự phòng phải trả	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	4.805.936.460
Cộng	-	4.805.936.460

15. Vốn chủ sở hữu**15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2023	42.000.000.000	6.001.124.543	9.591.564.721	57.592.689.264
Lãi trong năm trước	-	-	32.497.475.323	32.497.475.323
Chia cổ tức	-	-	(5.460.000.000)	(5.460.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	(2.944.071.256)	(2.944.071.256)
Số dư tại ngày 31/12/2023	42.000.000.000	6.001.124.543	33.684.968.788	81.686.093.331
Lãi trong năm nay	-	-	22.088.391	22.088.391
Phân phối các quỹ (*)	-	-	(32.497.475.323)	(32.497.475.323)
Số dư tại ngày 31/12/2024	42.000.000.000	6.001.124.543	1.209.581.856	49.210.706.399

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ/VTRSHP-ĐHĐCĐ ngày 30/9/2024.

15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương	27.771.000.000	27.771.000.000
Vốn góp của các Cổ đông khác	14.229.000.000	14.229.000.000
Cộng	42.000.000.000	42.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	5.460.000.000

15.4. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

15.5. Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển	6.247.167.260	9.749.242.597	-	15.996.409.857
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở	2.717.917.044	21.547.171.172	-	24.265.088.216
Cộng	8.965.084.304	31.296.413.769	-	40.261.498.073

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ duy trì, phát triển Doanh nghiệp.

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a) Tiền USD**

	31/12/2024	01/01/2024
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	64.243,77	219.437,74

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Tài sản nhận giữ hộ:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Tài sản nhận giữ hộ				
Nhà 3 tầng Vạn Mỹ	1	259.630.487	1	259.630.487

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.622.852.915	37.131.347.124
Cộng	28.622.852.915	37.131.347.124

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2.**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	28.832.356.134	30.306.666.079
Cộng	28.832.356.134	30.306.666.079

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	621.548.901	2.237.396.411
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	112.500.116	9.513.191
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	44.382.738	117.063.610
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.235	2.025
Cộng	778.432.990	2.363.975.237

4. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.407.060	29.372.085
Chi phí tài chính khác	2.029	1.515
Cộng	11.409.089	29.373.600

5. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ nhận hỗ trợ bồi thường thu hồi đất khu vực 142 Lê lai	-	56.325.723.656
Thu nhập từ nhận hỗ trợ bồi thường khu vực Hoàng Diệu (*)	1.714.941.273	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	20.000.000
Thu nhập khác	103.069.610	58.003
Cộng	1.818.010.883	56.345.781.659

(*) Khoản thu từ hỗ trợ, bồi thường khi thu hồi đất theo Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng về phê duyệt phương án bồi thường và quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 26/2/2024 của UBND quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung bồi thường

6. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản trên đất đã được bồi thường khi UBND TP thu hồi đất tại khu vực 142 Lê Lai	-	14.147.663.208
Chi phí di chuyển hàng hóa để bàn giao mặt bằng tại khu vực 142 Lê Lai	-	2.114.790.000
Chi phí khác	52.650.004	287.014.536
Cộng	52.650.004	16.549.467.744

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	6.773.707.881	7.310.042.232
Chi phí nhân viên quản lý	4.179.171.012	4.040.104.251
Chi phí vật liệu quản lý	81.669.709	73.897.404
Chi phí đồ dùng văn phòng	44.256.682	79.767.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	230.754.296	319.057.886
Thuế, phí và lệ phí	247.954.188	318.556.228
Chi phí dự phòng	282.195.694	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	870.227.655	1.284.552.204
Chi phí bằng tiền khác	837.478.645	1.194.106.713
b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(4.480.674.457)	-
Hoàn nhập dự phòng sửa chữa lớn tài sản	(4.480.674.457)	-
Tổng cộng	2.293.033.424	7.310.042.232

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	29.848.137	41.645.554.365
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	53.333.333	363.696.030
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	(44.382.738)	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	38.798.732	42.009.250.395
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.759.746	8.401.850.079
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	746.228.963
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.759.746	9.148.079.042

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	355.338.767	420.807.468
Chi phí nhân công	8.366.630.808	11.071.089.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định	788.368.139	1.966.624.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.266.386.858	21.476.667.238
Chi phí bằng tiền khác	547.143.749	2.681.519.834
Cộng	35.323.868.321	37.616.708.311

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.088.391	32.497.475.323
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(1.201.061.554)
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.201.061.554)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý Công ty (*)	-	(1.201.061.554)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.088.391	31.296.413.769
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	5,26	7.451,53

(*) Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ/VTRSHP-ĐHĐCĐ ngày 30/9/2024. Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Do đó lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

(**) Do trên Báo cáo tài chính năm 2023 Công ty đã tạm ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng số liệu trích quỹ được công bố chính thức tại kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên khác với số đã công bố trên Báo cáo tài chính năm 2023 nên Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 01/2024/NQ/VTRSHP-ĐHĐCĐ ngày 30/9/2024, cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Năm 2023		
	Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.497.475.323	-	32.497.475.323
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.266.000.000)	64.938.446	(1.201.061.554)
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.266.000.000)	64.938.446	(1.201.061.554)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý Công ty (*)	(1.266.000.000)	64.938.446	(1.201.061.554)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.231.475.323	64.938.446	31.296.413.769
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.200.000		4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.436,07		7.451,53

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan:**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương

Chi nhánh Công ty TNHH Logistics Sinovitrans tại Hải Phòng

Ông Nguyễn Văn Khánh

Bà Trần Thị Bích Hạnh

Ông Phạm Hoàng Anh

Ông Phạm Đình Hiệp

Ông Nguyễn Ngọc Toàn

Bà Trần Thị Minh Phương

Bà Lưu Hồng Nhung

Bà Lê Thị Ánh

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Công ty con của Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT

(Miễn nhiệm từ ngày 30/9/2024)

Thành viên HĐQT

(Bổ nhiệm từ ngày 30/9/2024)

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Phó Giám đốc

Trưởng Ban kiểm soát

Thành viên BKS

Thành viên BKS

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu		
Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương	115.533.649	148.641.672
Chi nhánh Công ty TNHH Logistics Sinovitrans tại Hải Phòng	13.601.385	159.929.150

*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	658.800.000	961.060.227
Ông Phạm Đình Hiệp Giám đốc	370.200.000	538.846.315
Ông Nguyễn Ngọc Toàn Phó Giám đốc	288.600.000	422.213.912
Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	71.000.000
Ông Nguyễn Văn Khánh Chủ tịch HĐQT	24.000.000	36.000.000
Bà Trần Thị Bích Hạnh Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/9/2024)	9.000.000	18.000.000
Ông Phạm Đình Hiệp Thành viên	12.000.000	17.000.000
Ông Phạm Hoàng Anh Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/9/2024)	3.000.000	-
Thù lao thành viên của Ban kiểm soát	36.000.000	54.000.000
Bà Trần Thị Minh Phương Trưởng Ban kiểm soát	12.000.000	18.000.000
Ông Phạm Hoàng Anh Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/9/2024)	9.000.000	18.000.000
Bà Lưu Hồng Nhung Thành viên	12.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Ánh Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/9/2024)	3.000.000	-
Cộng	742.800.000	1.086.060.227

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Mai Đình

Phạm Đình Hiệp



